TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRIỆU SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày 02/3/2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ng Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và ông Lê Kim Cảnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Huỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 N 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 345/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 N 2021, về: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 02 N 2022. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H- Sinh N 2000

Địa chỉ: Thôn Q1, xã Đ, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa

Chỗ ở: Thôn Tr 3, xã Đ, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N - Sinh N 1997

Địa chỉ: Thôn Q 1, xã Đ, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên toà chị Hvà anh N có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị Htrình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới và được UBND xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/4/2019. Sau khi cưới vợ chồng sống không hạnh phúc liên tục cải vả và đánh đập nhau. Do không chịu đựng được nên từ tháng 10/2019 đến nay chị đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở và kể từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm

vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu nên chị xin được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

- *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Bảo Ng, sinh ngày 08/10/2019. Hiện nay cháu khỏe mạnh bình tHvà đang ở với chị. Nay ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu Ng và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng là 1.000.000đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2022 đến khi con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Hkhông yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh và cô Đỗ Thị Hkết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, tổ chức cưới vào tháng 4/2019. Sau khi cưới vợ chồng sống bình tHcho đến tháng 11/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên hay cải nhau và từ tháng 11/2019 cô Hbỏ về nhà ngoại ở cho đến nay, từ đó vợ chồng sống ly thân, anh có quan tâm đến cô Hnhưng cô ấy không quan tâm đến anh và cũng từ đó đến nay cô Hkhông về sống với anh. Nay cô Hcó đơn xin ly hôn nguyện vọng anh là mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con, còn cô Hvẫn cương quyết ly hôn thì kệ cô Hcòn anh không đến để giải quyết tại Tòa án nữa. Thời gian đầu tôi còn có về thăm con nhưng sau này vì dịch và cô Hngăn cản nên anh không thăm nữa.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Bảo Ng, sinh ngày 08/10/2019. Hiện nay cháu khỏe mạnh và đang ở với cô Hường. Nếu vợ chồng ly hôn nguyện vọng của anh cũng muốn nuôi con, nhưng vì con đang ở với chị Hường, chưa đủ 36 tháng tuổi và cô Hchăm sóc tốt, nên anh đề nghị được giao cháu Bảo Ng cho cô Htrực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh đề nghị cấp dưỡng nuôi con cùng cô Hmỗi tháng là 1.000.000đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2022 đến khi con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn đã tiến hành làm việc tại xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn nơi anh chị sinh sống, theo thông tin cung cấp thì được biết: Chị Hvà anh N là vợ chồng, kết hôn N 2019 và UBND xã Đồng Lợi cấp giấy kết hôn. Mâu thuẫn vợ chồng địa phương không biết. Chị Hvẫn còn khẩu tại địa phương nhưng từ cuối N 2019 chị Hđã bế con về nhà mẹ đẻ ở, từ đó chị Hkhông về sinh sống tại địa phương, chị làm gì không biết, anh N làm công nhân có thu nhập vợ chồng có 01 con chung, hiện đang ở với chị Hường, tài sản vợ chồng có gì địa phương không biết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Qua tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của chị Hlà có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Hđược ly hôn anh N; Về con chung, đề nghị giao cháu Nguyễn Thị Bảo Ng cho chị Hđược trực tiếp nuôi dưỡng và anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Hmỗi tháng là 1.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Chị Hxin ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Cả chị Hvà anh N đều có địa chỉ cư trú tại xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Đỗ Thị Hvà anh Nguyễn Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh N và chị Hường.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Hvà anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau N 2019 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn và không vi phạm điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Theo chị Hvà anh N vợ chồng sau khi cưới vợ chồng sống đến cuối 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên hay cải nhau và từ tháng 11/2019 chị Hbỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay, từ đó vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Chị Hxét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn, anh N xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh xin được đoàn tụ, nếu chị Hvẫn cương quyết ly hôn thì kệ chị Hường.

Xét thấy: Anh N mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng qua lời khai của anh và chị Hđều thể hiện mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ việc bất đồng quan điểm sống dẫn đến cải nhau.

Theo xác nhận của UBND xã Đồng Lợi thể hiện hiện chị Hđã bỏ về nhà ngoại từ cuối N 2019 đến nay và không quay về địa phương sinh sống.

Mặc dù anh N không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp hiệu quả để hàn gắn tình cảm vợ chồng, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ lần 2

nhưng anh N không có mặt và tại phiên tòa anh cũng xin vắng mặt và kệ cô Hxin ly hôn, chứng tỏ anh không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây chị Hđã thực sự không còn tình cảm với anh N, anh N không quan tâm bỏ mặc việc giải quyết vụ án và không thiết tha níu kéo tình cảm vợ chồng và thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, không quan tâm chăm sóc nhau. Do đó nếu buộc anh chị quay về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng khó cải thiện được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hvà căn cứ Điều 56 Luật HN&GĐ xử cho chị Hđược ly hôn anh N là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 01 con chung là Nguyễn Thị Bảo Ng, sinh ngày 08/10/2019. Nay ly hôn anh N và chị Hđều đề nghị giao con cho chị Htrực tiếp nuôi dưỡng và anh N cấp dưỡng nuôi con cùng chị Hmỗi tháng là 1.000.000đồng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 3/2022.

Xét thấy nguyện vọng giao con của anh N cho chị Hnuôi dưỡng là hoàn toàn chính đáng. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay cháu Ng còn nhỏ, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật HN&GĐ là con dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, mà hiện nay cháu Ng chưa đủ 36 tháng tuổi, nên cần giao cho mẹ nuôi là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với sự phát triển về tâm sinh lý của cháu. Do vậy cần áp dụng Điều 81 và 82 Luật HN&GĐ giao cháu Ng cho chị Htrực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử thấy rằng, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, mà đây cũng là nguyện vọng của anh, chị và mức cấp dưỡng đưa ra cũng phù hợp với thu nhập cũng như mức sống hiện nay. Do vậy Hội đồng xét xử buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Hmỗi tháng là 1.000.000đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2022 đến khi cháu Nguyễn Thị Bảo Ng đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Hvà anh N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản.

[3] Về án phí: Chị Đỗ Thị Hlà nguyên đơn trong vụ án nên buộc chị Hphải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000^{đ}.

Anh N phải chịu 300.000đ án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a

khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tHvụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Hường.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị Hvà anh Nguyễn Văn N.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Công nhận vợ chồng có 01 con chung là:

Nguyễn Thị Bảo Ng - Sinh ngày 08 tháng 10 N 2019.

2.2. Giao con chung là Nguyễn Thị Bảo Ng cho chị Đỗ Thị Htrực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Anh Nguyễn Văn N phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Đỗ Thị H1.000.000đồng (Một triệu đồng) một tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2022 đến khi cháu Nguyễn Thị Bảo Ng đủ 18 tuổi.

2.4. Anh N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị Hvà anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị Đỗ Thị Hphải chịu 300.000^{đ} tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000^{đ} theo biên lai thu tiền số 0006384 ngày 23/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị Hđã nộp đủ tiền án phí.

- Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hvà anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã Đồng Lợi (Ghi sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Ng Tuấn